

Số: 759/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 13 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 623/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị K, sinh năm 1986;

Hộ khẩu thường trú: Đường P, Phường MH, quận G, TP. Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: Đường số MB, Phường T, quận G, TP. Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Ông Trần Mai B, sinh năm 1982;

Hộ khẩu thường trú: Đường P, Phường MH, quận G, TP. Hồ Chí Minh;

Hộ khẩu thường trú: Đường P, Phường MB, quận G, TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thị K và ông Trần Mai B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyền số 01/2008 ngày 15 tháng 9 năm 2008 của UBND xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị K và ông Trần Mai B thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có 02 con tên là Trần Mai Quỳnh A, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2009 và Trần Thiên P, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2012. Hai bên thỏa thuận giao trẻ Trần Mai Quỳnh A cho ông Trần Mai B trực tiếp nuôi dưỡng, bà Mai Thị K trực tiếp

nuôi trẻ Trần Thiên P. Ông B cấp dưỡng nuôi con Trần Thiên P mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), bắt đầu thực hiện từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi trẻ thành niên. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Bà Khuyên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Mai Thị K và ông Trần Mai B được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có.

2.4. Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do bà Mai Thị K tự nguyện chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0026236 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Khuyên được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do ông Trần Mai B chịu.

3. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện KSND Q.Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Điệp